TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44 /2020/QĐST-HNGĐ	Yên Mô, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1978

HKTT: Thôn PK, xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình

Hiện trú tại: Xóm Chùa, xã YT, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

* Bị đơn: Anh Trịnh Thành L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn PK, xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Q và anh Trịnh Thành L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Bùi Thị Q và anh Trịnh Thành L xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trịnh Khánh Ph, sinh ngày 12/7/2018. Chị Q và anh L thống nhất giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trịnh Khánh Ph; Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Ph thành niên đủ 18 tuổi.

Anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Ph được chung sống với chị Q và được

quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Q và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị Q có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh L không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Chị Bùi Thị Q và anh Trịnh Thành L không đề nghị giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Bùi Thị Q và anh Trịnh Thành L thống nhất thỏa thuận để chị Q nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền án phí chị Q phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002266 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô; Chị Q được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Thành L phải nộp số tiền án phí cấp dưỡng là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện Yên Mô;
- THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã YT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Diệu Oanh
(ĐÃ KÝ)